TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/03/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 688/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/02/2025; giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1991;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay: Đài Loan.

Người được chị H ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại Tòa án: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu G, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, ông T2 đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05/11/2010 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, sau đó chị đi lao

động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng không liên lạc, không hỏi han. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thảo D, sinh ngày 13/7/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 8/4/2014, hiện hai con đang sống cùng bố và ông bà nội, đến khi con trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan, chị ủy quyền cho anh T1 và ông bà nội thay chị chăm sóc con Nguyễn Thảo D; chị sẽ cấp dưỡng nuôi con nếu ông bà nội và anh T1 yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn T1 có địa chỉ cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương trực tiếp đến làm việc tại gia đình anh T1 nhưng anh T1 không có mặt tại nhà. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh T1, với bố đẻ của anh T1 là ông Nguyễn Văn T2, ông T2 xác định: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T1, về điều kiện kết hôn giữa anh T1 và chị H như chị H trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng; trước khi chị H đi Đài Loan, vợ chồng đã mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không chuyện trò cùng nhau; chị H nhiều lần muốn ly hôn anh T1 nhưng anh T1 nghĩ vì các con nên muốn vợ chồng đoàn tụ; đến cuối năm 2024, chị H về nước, có trao đổi việc ly hôn anh T1, anh T1 xác định vợ chồng ly thân đến nay được 6 năm, chị H có nguyện vọng ly hôn anh nhất trí. Hiện anh T1 là lái xe đường dài, thi thoảng anh T1 mới về nhà nên ông đồng ý nhận văn bản tố tụng và thông báo cho anh T1 biết.

Về con chung: Anh T1 và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thảo D, sinh ngày 13/7/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 8/4/2014, hiện cháu đang sống cùng bố và ông bà nội; trước đây khi vợ chồng mâu thuẫn, chị H nhiều lần muốn đưa cháu D về ngoại sống nhưng ông giữ cháu lại để cho hai cháu được ở cùng nhau. Nay chị H có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị H, cháu Đ cho anh T1; ông và anh T1 hoàn toàn nhất trí. Trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam ông đồng ý chăm sóc cháu D, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T1 và chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Cháu Nguyễn Thảo D có quan điểm xin được ở cùng mẹ; cháu Nguyễn Hải Đ có quan điểm xin được ở cùng bố.

Bà Nguyễn Thị T là người được chị Trần Thị H có ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng tại TAND tỉnh Hải Dương có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của chị H; cam kết sẽ giao tận tay các văn bản tố tụng của TAND tỉnh Hải

Dương cho chị H, đề nghị được vắng mặt tai các buổi làm việc và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương : Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX, xử cho chị H được ly hôn anh T1; giao con chung Nguyễn Thảo D, sinh ngày 13/7/2011 cho chị Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Giao con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 8/4/2014 cho anh Nguyễn Văn T1 chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Tạm giao cháu Nguyễn Thảo D cho ông Nguyễn Văn T2 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị H không ở Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T2 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng H1 đang sinh sống và làm việc Đài Loan; nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Tại Công văn số 1090 ngày 14/01/2025 của Cục Q xác định chị Trần Thị Hồng L gần nhất xuất cảnh ngày 30/12/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, chị H, ông T2 vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 5/11/2010 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn, ly thân thời gian dài, không liên lạc, hỏi han và quan tâm đến nhau, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Thông qua gia đình, anh T1 có quan điểm xác định mâu

thuẫn vợ chồng từ trước khi chị H đi Đài Loan, vợ chồng ly thân đến nay đã 6 năm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị H và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Thảo D, sinh ngày 13/7/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 8/4/2014, hiện cháu đang sống cùng anh T1 và ông bà nội.

Chị H có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con Nguyễn Thảo D, anh T1 nuôi con Nguyễn Hải Đ; hiện nay chị đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh T1 và ông T2 thay chị nuôi dưỡng cháu. Thông qua gia đình, anh T1 có quan điểm đồng ý giao con Thảo Dương cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Bản thân cháu Thảo D có quan điểm xin được ở cùng mẹ Trần Thị H, cháu Hải Đ có quan điểm được ở cùng bố. Do vậy. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao con cho Nguyễn Thảo D cho chị H; giao con Nguyễn Hải Đ cho anh T1 chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi

Chấp nhận sự tự nguyện của ông T2 về việc tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thảo D trong thời gian chị H không có mặt tại Việt Nam và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung,

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Thảo D, sinh ngày 13/7/2011 cho chị Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Giao con Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 08/4/2014 cho anh Nguyễn Văn T1 chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Tạm giao cháu Nguyễn Thảo D cho ông Nguyễn Văn T2 chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian chị H không có nhà. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T2 về việc không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị H anh T1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005434 ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T1, ông T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Hồng Lạc, Thanh Hà;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến